



bào mǐ huā

爆米花

noun · popcorn

Example Sentences

kàn diàn yǐng shí wǒ xǐ huān chī bào mǐ huā
看电影时我喜欢吃爆米花。

I like to eat popcorn when watching movies.

zhè bāo bào mǐ huā shì xián wèi de
这包爆米花是咸味的。

This bag of popcorn is salty.

Trace each character, then write the word on your own.

爆	爆	爆	爆	爆	爆	爆	爆	爆	爆	爆
爆	爆	爆	爆	爆	爆	爆	爆	爆	爆	爆
米	米	米	米	米	米	米	米	米		
花	花	花	花	花	花	花	花	花	花	